

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐỀ ÁN
KHAI THÁC NƯỚC MẶT**

Công trình : Công trình khai thác nước mặt tại Trạm cấp nước áp 1, xã Bình Thành
Vị trí Khai Thác : Áp 1, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp
Quy mô : 630 m³/ngày đêm
(Đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung)

Tháng 03/2026

Hộ kinh doanh Nguyễn Thanh Hoa

**ĐỀ ÁN
KHAI THÁC NƯỚC MẶT**

Công trình : Công trình khai thác nước mặt tại Trạm cấp nước áp 1, xã Bình Thành
Vị trí Khai Thác : Ấp 1, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp
Quy mô : 630 m³/ngày đêm

(Đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
Ký (đóng dấu nếu có)

Hoa

Nguyễn Thanh Hoa

Bình Thành, tháng 03/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC MẶT

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp

1. Tổ chức đề nghị cấp phép:

1.1. Tên tổ chức: Hộ kinh doanh Nguyễn Thanh Hoa

1.2. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 1400993121-001 do Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Thanh Bình cấp ngày 04 tháng 07 năm 2024 (đăng ký thay đổi lần đầu).

1.3. Địa chỉ: ấp 1, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp.

1.4. Điện thoại: 0939367378

2. Thông tin chung về công trình khai thác nước:

2.1. Tên công trình: Công trình khai thác nước mặt tại Trạm cấp nước ấp 1, xã Bình Thành.

2.2. Loại hình công trình, phương thức khai thác/vận hành: Trạm bơm nước mặt từ Kênh An Phong - Mỹ Hòa được khai thác bằng hình thức bơm điện công suất 4,0Hp (bơm cùng lúc 2 máy), theo hệ thống ống dẫn Ø114mm vào hệ thống xử lý, sau đó cung cấp cho các mục đích sử dụng.

2.3. Vị trí công trình: Ấp 1, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp.

2.4. Hiện trạng công trình:

Trước đây, chủ công trình cung cấp nước sinh hoạt nông thôn tại ấp 1, xã Bình Tân (nay là xã Bình Thành) bằng nguồn nước dưới đất (giếng khoan). Thực hiện chủ trương chuyển đổi nguồn nước từ nước dưới đất sang nước mặt, nhận thấy nguồn mặt tại Kênh An Phong - Mỹ Hòa đáp ứng được nhu cầu lấy nước.

Từ năm 2024 đến nay, Chủ công trình đã thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống Trạm cấp nước nước mặt tại ấp 1, xã Bình Thành. Trước đây, Hộ kinh doanh Nguyễn Thanh Hoa cũng đã từng nộp hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác nước mặt tại kênh An Phong – Mỹ Hòa, tuy nhiên công trình thi công chưa hoàn thiện nên hồ sơ chưa được chấp thuận. Nay sau khi công trình đã hoàn thiện, hiện đang cho vận hành thử nghiệm, lưu lượng và chất lượng nước đảm bảo yêu cầu đề ra.

Thời gian dự kiến vận hành: sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác.

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Nguồn nước khai thác: nước mặt từ Kênh An Phong - Mỹ Hòa.

3.2. Vị trí lấy nước: Nước mặt ven Kênh An Phong - Mỹ Hòa, đoạn qua khu vực Ấp 1, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Vị trí tọa độ hệ VN:2000, Kinh tuyến trục 105^0 , múi chiều 3^0 như sau:

- Cửa lấy nước tại ven Kênh An Phong - Mỹ Hòa: X= 1173452; Y= 562223;

3.3. Mục đích khai thác nước: khai thác, xử lý và cung cấp nước sinh hoạt cho Nhân dân.

3.4. Lượng nước khai thác: $630 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$

3.5. Chế độ khai thác/vận hành: Tự động 24/24 giờ, 365 ngày/năm.

3.6. Thời gian đề nghị cấp phép: 5 (năm) năm

4. Cam kết của tổ chức đề nghị cấp phép:

- Hộ kinh doanh Nguyễn Thanh Hoa cam đoan các nội dung, thông tin trong Văn bản này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Hộ kinh doanh Nguyễn Thanh Hoa cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

Bình Thành, ngày 05 tháng 03 năm 2026

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép

(Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có))

Hoa

Nguyễn Thanh Hoa

Mục lục

Mục 1. Thông tin về tổ chức đề nghị cấp giấy phép khai thác nước.....	6
Mục 2. Trình bày các thông tin cơ bản của công trình khai thác nước đề nghị cấp phép, hiện trạng khai thác nước của công trình đề nghị cấp phép (trình bày thông tin về quy mô, phương thức, mục đích, phạm vi cấp nước của công trình và lượng nước khai thác):	6
1. Thông tin cơ bản của Công trình khai thác nước đề nghị cấp phép:.....	6
2. Hiện trạng khai thác nước của Công trình đề nghị cấp phép:	6
Mục 3. Thuyết minh cụ thể nhu cầu, kế hoạch, chế độ khai thác nước của công trình trong thời gian đề nghị cấp phép.....	8
Mục 4. Đánh giá tác động và các biện pháp giảm thiểu tiêu cực trong thời gian đề nghị cấp phép (nếu có). Thuyết minh rõ phương án xác định phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.....	9
1. Đánh giá tác động và các biện pháp giảm thiểu tiêu cực trong thời gian đề nghị cấp phép	10
2. Thuyết minh rõ phương án xác định phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.....	10
Mục 5. Tình hình quan trắc, giám sát quá trình khai thác: Trình bày tình hình thực hiện quan trắc, giám sát theo quy định, gồm các thông tin: thông số, chế độ quan trắc, thiết bị tại công trình khai thác.	11

ĐỀ ÁN KHAI THÁC NƯỚC MẶT

(trường hợp đề nghị cấp giấy phép đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung)

Mục 1. Thông tin về tổ chức đề nghị cấp giấy phép khai thác nước.

1.1. Tên chủ giấy phép: Hộ kinh doanh Nguyễn Thanh Hoa.

Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 1400993121-001 do Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Thanh Bình cấp ngày 04 tháng 07 năm 2024 (đăng ký thay đổi lần đầu).

1.2. Địa chỉ: ấp 1, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Điện thoại: 0939367378

Mục 2. Trình bày các thông tin cơ bản của công trình khai thác nước đề nghị cấp phép, hiện trạng khai thác nước của công trình đề nghị cấp phép (trình bày thông tin về quy mô, phương thức, mục đích, phạm vi cấp nước của công trình và lượng nước khai thác):

1. Thông tin cơ bản của Công trình khai thác nước đề nghị cấp phép:

Tên công trình: Công trình khai thác nước mặt tại Trạm cấp nước ấp 1, xã Bình Thành.

Vị trí lấy nước: Nước mặt trên Kênh An Phong - Mỹ Hòa, đoạn qua khu vực Ấp 1, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Tọa độ hệ VN:2000, Kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0 như sau:

+ Cửa lấy nước tại ven Kênh An Phong - Mỹ Hòa X= 1173452; Y= 562223;

+ Nơi đặt máy Bơm X= 1173445; Y= 562228;

+ Vị trí nhà máy X= 1173421; Y= 562230.

Nguồn nước khai thác: Nước mặt ven Kênh An Phong - Mỹ Hòa

2. Hiện trạng khai thác nước của Công trình đề nghị cấp phép:

- Hiện trạng:

Trước đây, chủ công trình cung cấp nước sinh hoạt nông thôn tại ấp 1, xã Bình Tấn (nay là xã Bình Thành) bằng nguồn nước dưới đất (giếng khoan). Thực hiện chủ trương chuyển đổi nguồn nước từ nước dưới đất sang nước mặt, nhận thấy nguồn mặt tại Kênh An Phong - Mỹ Hòa đáp ứng được nhu cầu lấy nước.

Từ năm 2024 đến nay, Chủ công trình đã thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống Trạm cấp nước nước mặt tại ấp 1, xã Bình Thành. Trước đây, Hộ kinh doanh Nguyễn Thanh Hoa cũng đã từng nộp hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác nước mặt tại kênh An Phong – Mỹ Hòa, tuy nhiên công trình thi công chưa hoàn thiện nên hồ sơ chưa được chấp thuận. Nay sau khi công trình đã hoàn thiện, hiện đang cho vận hành thử nghiệm, lưu lượng và chất lượng nước đảm bảo yêu cầu đề ra.

Thời gian dự kiến vận hành: sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác.

Nhiệm vụ và Quy mô: khai thác nước mặt Kênh An Phong - Mỹ Hòa đoạn qua Ấp 1, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp, để xử lý và cung cấp nước sinh hoạt tập trung với lưu lượng 630 m³/ngày đêm.

Mục đích khai thác nước: khai thác, xử lý và cung cấp nước sinh hoạt cho Nhân dân.

Phương thức khai thác: công trình thu nước gần bờ, sử dụng máy bơm trực ngang công suất 4Hp (02 bơm cùng hoạt động), khai thác theo chế độ tự động 24/24, bình quân khoảng 15,8 giờ/ngày đêm.

+ Các hạng mục chính của công trình: 1. Công trình thu nước gần bờ phân ly máy bơm, 2. Công trình bơm cấp 1 lấy nước (4,0Hp -2 máy), 3. hai ống dẫn nước về đến hệ thống xử lý Ø114mm, 4. Hệ thống xử lý nước mặt, 5. Bơm định lượng Clo, 6. Bơm cấp 2 (5Hp – 2 máy), 7. Hệ thống ống tải nước sạch đến hộ dân.

+ Vị trí lấy nước đặt ngay cạnh phạm vi Trạm cấp nước cách bờ kênh khoảng 6m (ống dẫn nước PVC Ø114mm), 02 ống dẫn nước được đặt cặp theo cầu lấy nước. Cầu lấy nước có chiều rộng khoảng 1,0m dẫn đến vị trí lấy nước, chiều dài của cầu khoảng 6,0m.

+ Vị trí 02 máy bơm được đặt gần vị trí lấy nước, hai máy bơm lấy nước có công suất 4,0Hp, cho lưu lượng đạt 40m³/giờ (mỗi máy khoảng 20 m³/giờ)

+ Nước bơm từ máy bơm cấp 1 sẽ được chuyển về hệ thống xử lý. Trước khi cấp đến các hộ dân sử dụng, nước sạch sẽ được châm Clo khử khuẩn đầu nguồn.

+ Công suất tối đa Trạm có thể khai thác là khoảng 960m³/ngày đêm, Trong quá trình thực hiện có thể thay thế các thiết bị khác có tính năng tương đương.

+ Phương thức khai thác: Trạm bơm nước thô, bơm lên hệ thống xử lý, nước sạch vào bồn chứa nước sạch, bơm vào hệ thống cấp nước cho mạng lưới.

(Bảng thông số kỹ thuật cơ bản của công trình khai thác, sử dụng nước).

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
1	Bể chứa 1	8m x 8m bê tông cốt thép	1 cái
2	Bể chứa 2	4m x 6m bê tông cốt thép	1 cái
3	Bể lắng	4m x 4m bê tông cốt thép	1 cái
4	Bơm trực ngang (hút)	4Hp, xuất xứ: Italia	02 cái
5	Bơm định lượng	0,5Hp, xuất xứ: Nhật Bản	03 cái
6	Bơm trực ngang (đẩy)	5Hp, xuất xứ: Italia	02 cái
7	Thiết bị lọc		02 cái
8	Bồn composite	6000 lít	02 bồn
9	Mạng lưới đường ống cấp	Từ Ø 21 đến Ø 140	

	nước toàn bộ trạm		
10	Nhà che trạm cấp nước	Bê tông cốt thép + Tol	01 cái

Trong quá trình thực hiện có thể thay thế các thiết bị khác có tính năng tương đương.

- Lượng nước khai thác, sử dụng:

Trong thời gian được cấp phép:

+ Chế độ khai thác: khai thác không liên tục 24/24, 365 ngày/năm

+ Lượng nước khai thác tối đa 1 ngày là 630 m³/ngày đêm, thấp nhất là 300 m³/ngày đêm và trung bình là 465 m³/ngày đêm.

+ Lượng nước khai thác tối đa tháng là 19.530 m³

+ Lượng nước khai thác tối đa năm là 229.950m³.

- **Phạm vi cấp nước của công trình:** khu vực xã Bình Thành, chủ yếu 964 khách hàng khu vực ấp 1, ấp 3 và ấp 4, xã Bình Thành; đa số là người dân sống trong các tuyến dân cư nông thôn trong địa bàn này.

Mục 3. Thuyết minh cụ thể nhu cầu, kế hoạch, chế độ khai thác nước của công trình trong thời gian đề nghị cấp phép

Nhu cầu sử dụng nước:

Nguồn nước khai thác tại công trình sẽ được xử lý và cung cấp nước sinh hoạt cho người dân trong khu vực cấp nước.

Nhu cầu sử dụng nước của 964 hộ tại xã Phong Hoà như sau:

Số hộ dân sử dụng nước: 964 hộ (mỗi hộ khoảng 4 người), khoảng 3.865 người.

Do công trình khai thác lần đầu nên tính toán cho chu trình 10 năm để thuận tiện cho các số liệu lưu lượng thống nhất về sau.

Trong thời gian được cấp phép 10 năm, dân số trong vùng cấp nước cần sử dụng nước sinh hoạt là :

$$P_t = P_0 e^{rt} = 3.865 \times 2,72^{0,358 \times 10} = 3.997 \text{ người.}$$

Trong đó :

P_0 : Dân số hiện tại trong vùng cấp nước ;

P_t : Dân số cuối kỳ tính toán ;

r : Tỷ lệ tăng dân số ;

t : thời gian tính toán.

Khu vực thăm dò thuộc địa phận vùng nông thôn. Đối với nước phục vụ sinh hoạt khu vực này, tính đến giai đoạn thiết kế năm 2036. 100% dân cư được sử dụng nước sạch, theo Theo TCVN 13606:2023: Tiêu chuẩn Quốc gia Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Yêu cầu thiết kế Ɓ tiêu chuẩn cấp nước 80 lít/người/ngày đêm.

$$Q_1 = 3.997 \text{ người} \times 120 \text{ lít/người/ngày đêm} \times 100\% = \mathbf{480 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}}.$$

Nước yêu cầu riêng của nhà máy xử lý nước, theo Theo TCVN 13606:2023 cho phép lấy tỷ lệ này là 4% là **22 m³/ngày đêm**.

Tỷ lệ thất thoát trong mạng cấp nước 15% (theo Quyết định số 2147/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ): **72 m³/ngày đêm**.

Nguồn nước dự phòng (Theo TCVN 13606:2023 từ 5 – 10% lượng nước phục vụ sinh hoạt, chọn 10%): **48 m³/ngày đêm**.

Lưu lượng nước cần cung cấp trong thời gian tới trong ngày bình thường: **480 + 72 + 48 + 22 = 622 m³/ngày đêm (làm tròn 630 m³/ngày đêm)**.

Như vậy, nhu cầu sử dụng nước của 964 hộ dân trong khu vực cấp nước là 630 m³/ngày đêm. Do đó, Hộ kinh doanh Nguyễn Thanh Hoa đề nghị được cấp phép khai thác nước dưới đất tại Công trình khai thác nước mặt tại Trạm cấp nước áp 1, xã Bình Thành với lưu lượng là 630 m³/ngày đêm, để phục vụ nhu cầu sinh hoạt cho nhân dân.

Kế hoạch khai thác sử dụng nước: Hộ kinh doanh Nguyễn Thanh Hoa sẽ khai thác nước mặt tại Kênh An Phong - Mỹ Hòa đoạn qua Áp 1, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp với lưu lượng 630 m³/ngày đêm, bằng phương thức sử dụng bơm trục ngang công suất 4,0Hp (2 máy bơm song song) dẫn nước vào hệ thống xử lý, sau đó xử lý nước cho phù hợp với nhu cầu sử dụng nước của cấp nước sinh hoạt nông thôn. Công suất tối đa của Trạm cấp nước là khoảng 960m³/ngày đêm, do đó trong quá trình hoạt động nếu nhu cầu sử dụng nước của người dân tăng cao thì Hộ kinh doanh có thể đề xuất tăng công suất khai thác (tuy nhiên không xin vượt quá 960m³/ngày đêm).

Chế độ khai thác tại công trình: là tự động 24/24 (khi lượng nước trữ bị thiếu hụt bơm cấp 1 sẽ tự động bơm bổ cập, tuy nhiên lưu lượng không được vượt quá 630 m³/ngày đêm, thời gian bình quân khai thác là khoảng 15,8 giờ/ngày đêm) và thời gian xin phép là 5 năm.

Mục 4. Đánh giá tác động và các biện pháp giảm thiểu tiêu cực trong thời gian đề nghị cấp phép (nếu có). Thuyết minh rõ phương án xác định phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

1. Đánh giá tác động và các biện pháp giảm thiểu tiêu cực trong thời gian đề nghị cấp phép

Kênh An Phong - Mỹ Hòa là phân lưu của sông Tiền dẫn nước vào địa phận xã Bình Thành (chảy từ hướng Chợ Tân Mỹ về Chợ Gáo Giồng), do vậy Kênh An Phong - Mỹ Hòa mang đặc điểm của dòng chảy chính.

Theo Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 20 tháng 03 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc Ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác và phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Kênh An Phong - Mỹ Hòa (Bắc Đông) là công trình thủy lợi thuộc loại “lớn” phục vụ cho hoạt động tưới tiêu trong nông nghiệp, cung cấp nước sinh hoạt,... với diện tích phục vụ khoảng 41.000 ha, kênh có chiều dài khoảng 50.450m; chiều rộng bề mặt 45m; chiều rộng đáy 20m; Cao trình đáy là 2,2m và lưu lượng là 198m³/s, lưu lượng đề nghị khai thác tại công trình 630m³/ngày đêm (0,0073 m³/s).

Tổng lưu lượng sử dụng nước trên kênh là 0,0073m³/s là rất nhỏ so với lưu lượng của Kênh An Phong - Mỹ Hòa là 198m³/s.

Trong thời gian vận hành thử nghiệm, công trình khai thác nước mặt không làm ảnh hưởng gì đến dòng chảy, mực nước, lưu lượng nguồn nước Kênh An Phong - Mỹ Hòa. Việc khai thác nước của Hộ kinh doanh Nguyễn Thanh Hoa được giám sát chặt chẽ, chỉ có hoạt động bơm nước thô ven sông lên hệ thống xử lý, máy bơm điện hoạt động không gây ra độ rung lớn ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Đánh giá: Như đã đánh giá ở trên, việc khai thác của công trình này không ảnh hưởng và tác động đến nguồn nước và các công trình khác. Tuy nhiên việc khai thác có xả một lượng phù sa nhỏ vào nguồn nước (khoảng 3-5 m³/lần xả), nhưng không thường xuyên, chỉ xả những lúc xúc rửa bồn và hệ thống lọc.

Do đó, giải pháp và phương án khắc phục là cần có ao chứa phù sa mỗi khi xúc rửa bồn và hệ thống lọc. Hiện trạng, khu vực trạm cấp nước có ao chứa để trữ lại lượng phù sa này (nằm cập theo khuôn viên hệ thống xử lý).

2. Thuyết minh rõ phương án xác định phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt

Theo Quyết định số 895/QĐ-UBND.HC ngày 03 tháng 08 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành và phê duyệt “Dự án Xây dựng danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp”. Thì vị trí công trình lấy nước mặt của Hộ kinh doanh Nguyễn Thanh Hoa nằm trên Kênh An

Phong - Mỹ Hòa – theo phụ lục “Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp” thì Kênh An Phong - Mỹ Hòa có hành lang bảo vệ nguồn nước là 15,0m tại thứ tự số 28 đoạn sông “Từ xã An Phong đến hết xã Bình Tấn” có ký hiệu “AP1”. Do đó, Hộ kinh doanh Nguyễn Thanh Hoa đề xuất hành lang bảo vệ nguồn nước của Hộ kinh doanh trên Kênh An Phong - Mỹ Hòa là 15,0m.

Theo Điểm a, khoản 1, điều 10, Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước, thì Công trình khai thác nước mặt của Hộ kinh doanh Nguyễn Thanh Hoa tại ấp 1, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp có Vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt là không nhỏ hơn 800m về phía thượng lưu và 200m về phía hạ lưu.

Hiện trạng khu vực lấy nước, ven theo đường Tân Mỹ - Bình Tấn nằm cặp theo kênh An Phong – Mỹ Hòa, người dân chỉ sống rải rác (mật độ khá thưa), đa số sống trong cụm dân cư chợ Bình Tấn (cách vị trí lấy nước khoảng hơn 800m về phía Đông). Các hộ dân sống ven đường Tân Mỹ - Bình Tấn thuộc ấp 1 sử dụng nguồn nước sạch từ đơn vị cấp nước tập trung, có đăng ký thu gom rác thải, nên không phát sinh nguồn thải ảnh hưởng đến Kênh An Phong - Mỹ Hòa. Đa số các hộ dân sống cặp theo bờ nam Kênh An Phong - Mỹ Hòa (không nằm cách theo rạch mà nằm cạnh theo đường Tân Mỹ - Bình Tấn), các hộ gia đình điều có xây dựng hầm tự hoại, do đó hoạt động sinh hoạt cũng gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước.

Sau khi có quyết định phê duyệt phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh cấp nước sinh hoạt, chủ công trình sẽ phối hợp với UBND xã để xác định ranh giới phạm vi, vị trí đặt biển chỉ dẫn vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa. Chủ công trình có trách nhiệm lắp đặt, cắm biển chỉ dẫn, bảo vệ biển chỉ dẫn về vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình cấp nước; bảo vệ nguồn nước của Kênh An Phong - Mỹ Hòa, theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình.

Do vậy, Chủ công trình đề xuất vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước tại Công trình khai thác nước mặt tại Trạm cấp nước ấp 1, xã Bình Thành, có phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh là 800 mét phía thượng lưu, 200 phía hạ lưu và hành lang bảo vệ nguồn nước là 15m.

Mục 5. Tình hình quan trắc, giám sát quá trình khai thác: Trình bày tình hình thực hiện quan trắc, giám sát theo quy định, gồm các thông tin: thông số, chế độ quan trắc, thiết bị tại công trình khai thác.

Đối với thông số lưu lượng: Hộ kinh doanh Nguyễn Thanh Hoa đã gắn đồng hồ quan trắc lưu lượng tại đường ống dẫn nước từ bơm cấp 1 về bể lắng và đồng

thời bố trí 1 nhân viên ghi nhận số liệu hằng ngày (24 giờ 1 lần) để cập nhật và giám sát.

Đối với chất lượng nước, Hộ kinh doanh Nguyễn Thanh Hoa đã nhờ đơn vị có chức năng lấy và phân tích mẫu nước định kỳ để tiện theo dõi và báo cáo cũng như công khai thông tin về chất lượng nước đến người dân.

- Số lượng điểm quan trắc: 01 điểm.

+ Nước mặt Kênh An Phong - Mỹ Hòa tại vị trí khai thác (cửa thu). Tọa độ: X= 1173452; Y= 562223;

- Thông số: pH, BOD5, COD, TSS, DO, Tổng phosphor, Tổng Nitơ, Tổng Coliform, Chloride; tần suất quan trắc: 1 lần/năm (kết quả sẽ được cập nhật về hệ thống không quá 5 ngày sau khi có kết quả)

- Chế độ: 01 lần/năm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM


Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness



CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

Citizen Identity Card 

Số / No.: **087169000269**

Họ và tên / Full name:

NGUYỄN THANH HOA

Ngày sinh / Date of birth: **04/04/1969**

Giới tính / Sex: **NỮ** Quốc tịch / Nationality: **Việt Nam**

Quê quán / Place of origin:

Tân Long, Thanh Bình, Đồng Tháp

Nơi thường trú / Place of residence: **Tổ 48, Khóm 5**

Phường 6, Thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp

Có giá trị đến
Date of expiry
04/04/2029

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

- 1. Thửa đất:** , tờ bản đồ số: 38.
- a) Thửa đất số: 64
 - b) Địa chỉ: ấp 1, xã Bình Tân, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp,
 - c) Diện tích: 253,2 m², (bằng chữ: hai trăm năm mươi ba phẩy hai mét vuông),
 - d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.
 - e) Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn.
 - f) Thời hạn sử dụng: Lâu dài.
 - g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất.
- 2. Nhà ở:** -/-
- 3. Công trình xây dựng khác:** -/-
- 4. Rừng sản xuất là rừng trồng:** -/-
- 5. Cây lâu năm:** -/-
- 6. Ghi chú:** Thửa đất có 31,2m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình đường An Phong - Mỹ Hòa (bờ Nam).

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Thanh Bình, ngày 15 tháng 02 năm 2024
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN THANH BÌNH

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

(Chữ ký)

Nguyễn Quốc Quân



IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Bà NGUYỄN THANH HOA

Năm sinh: 1969, CCCD số: 087169000269

Địa chỉ thường trú: phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

DN 625245

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Mã số hộ kinh doanh: 1400993121-001

Mã số đăng ký hộ kinh doanh: 51F8007468

Đăng ký lần đầu: ngày 04 tháng 07 năm 2024

1. Tên hộ kinh doanh: HỘ KINH DOANH NGUYỄN THANH HOA
2. Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh: Ấp 1, Xã Bình Tân, Huyện Thanh Bình, Tỉnh
Đồng Tháp, Việt Nam

Điện thoại: 0939367378

Email:

Fax:

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Chi tiết: Dịch vụ cung cấp nước sinh hoạt)	3600 (Chính)

4. Vốn kinh doanh:

Vốn kinh doanh (Bằng số): 200.000.000 đồng

Vốn kinh doanh (Bằng chữ): Hai trăm triệu đồng.

5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh: Cá nhân

6. Thông tin về chủ hộ kinh doanh:

Họ và tên: NGUYỄN THANH HOA

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 04/04/1969 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Số căn cước công dân/chứng minh nhân dân: 087169000269

Ngày cấp: 18/02/2021 Nơi cấp: CỤC TRƯỞNG CỤC CS QLHC VỀ TTXH

Địa chỉ thường trú: Tổ 48, Khóm 5, Phường 6, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp,
Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 48, Khóm 5, Phường 6, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp,
Việt Nam

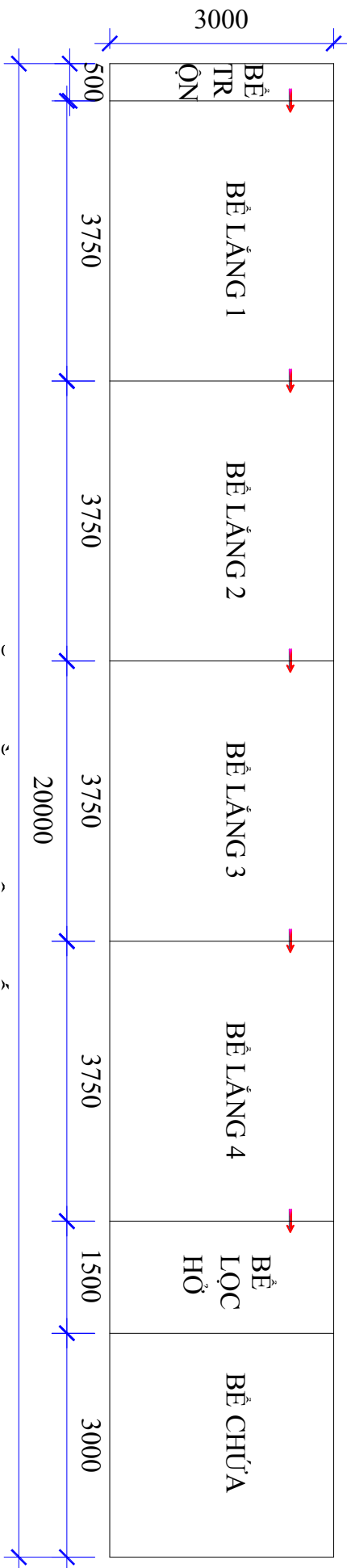
TRƯỞNG PHÒNG



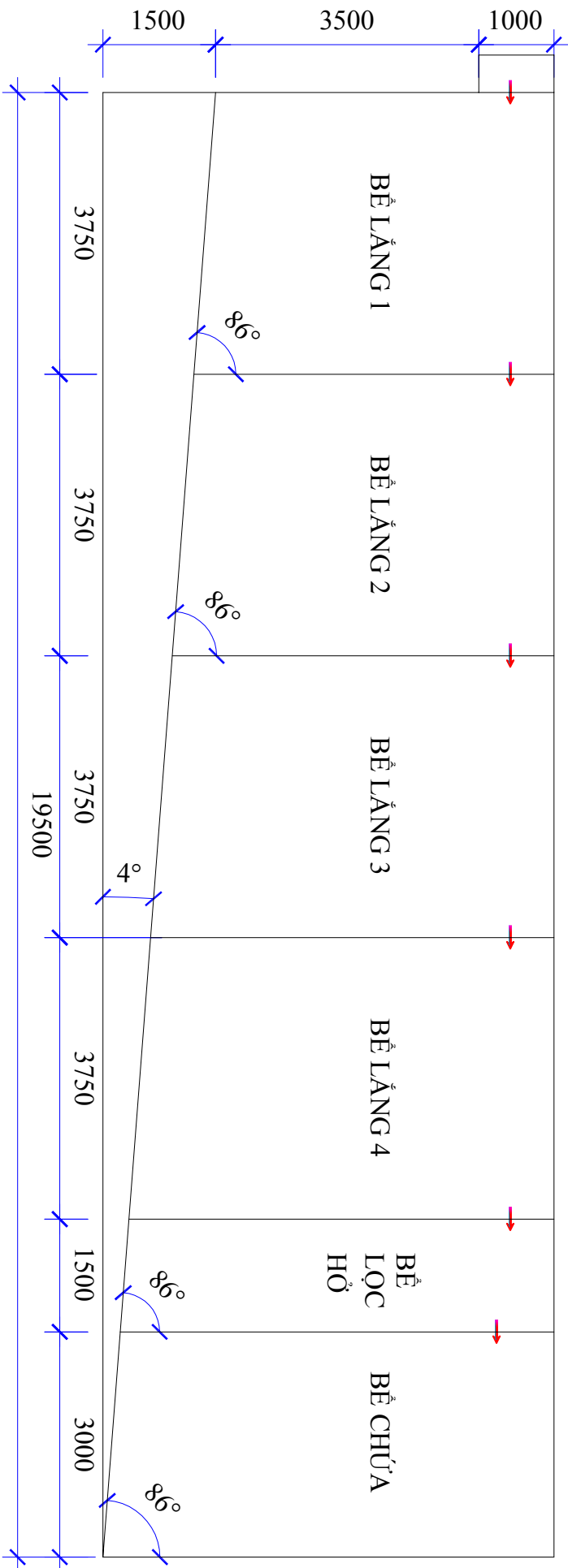
Nguyễn Tấn Thành

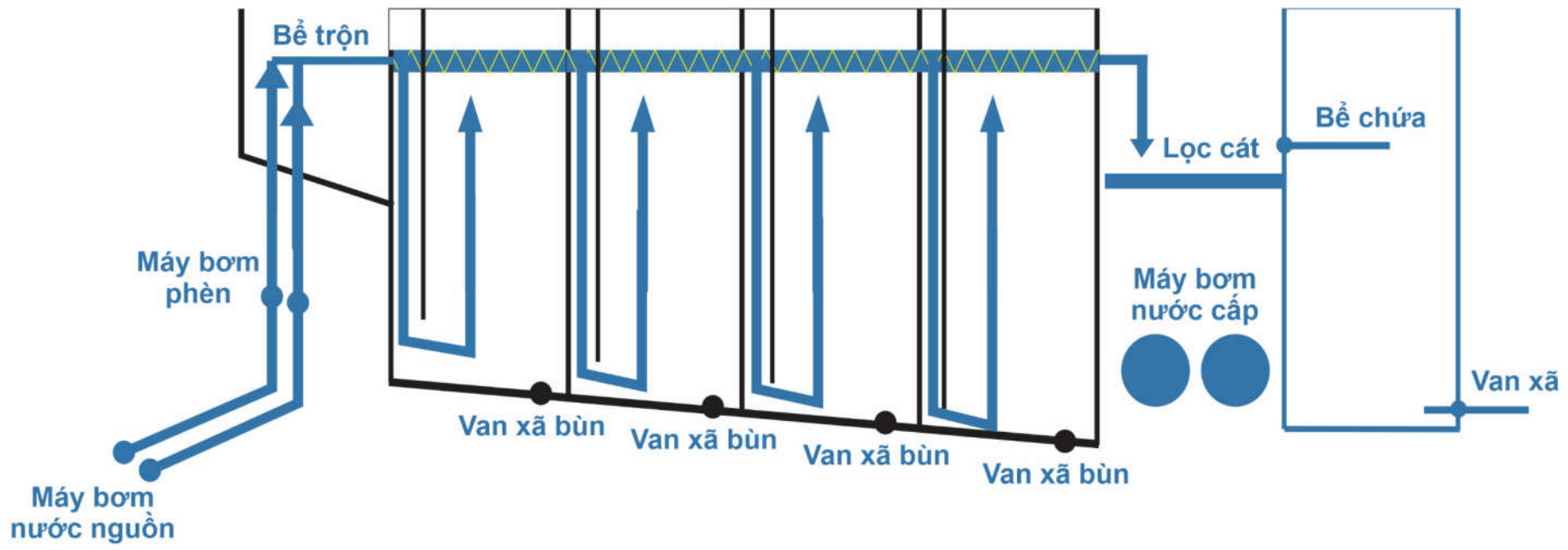
SƠ ĐỒ QUY TRÌNH LỌC NƯỚC

TRÀM CẤP NƯỚCẤP 1 XÃ BÌNH TÂN
VỊ TRÍ: ẤP 1 XÃ BÌNH TÂN, HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH DÒNG THÁP



MẶT BẰNG HỆ THỐNG LỌC





TRẠM CẤP NƯỚC
ẤP 1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Thành, ngày tháng 01 năm 2026

DANH SÁCH

HỘ ĐANG SỬ DỤNG NƯỚC MẶT TRẠM CẤP NƯỚC ẤP 1

STT	Họ và Tên	Địa chỉ
1	Ng T Thắng	ẤP 1
2	Ng Th Toàn	ẤP 1
3	Phạm thị Lùn	ẤP 1
4	Ng Thị Chum	ẤP 1
5	Nguyễn Văn Thái	ẤP 1
6	Ng văn Đông	ẤP 1
7	Phạm thị Lờ	ẤP 1
8	Ng Thị Hương	ẤP 1
9	Đỗ Thị Rành	ẤP 1
10	Đặng Thị Hương	ẤP 1
11	Ng Văn Hón	ẤP 1
12	Ng thị Thuỷ	ẤP 1
13	Nguyễn Văn Hờ	ẤP 1
14	Phạm thành Phú	ẤP 1
15	Phan Văn Hoàng	ẤP 1
16	Đặng ngọc Diệp	ẤP 1
17	Lương văn Đây	ẤP 1
18	Huỳnh N Duyên	ẤP 1
19	Phan Văn Giàu	ẤP 1
20	Ng thị Thu Ba	ẤP 1
21	Võ Thị Ánh	ẤP 1
22	Võ Văn Hải	ẤP 1
23	Bùi Văn Hải	ẤP 1
24	Bùi Ngọc Thanh	ẤP 1
25	Trần Thị Hoa	ẤP 1
26	Trần Văn Hợ	ẤP 1
27	Trần Văn Kết	ẤP 1
28	Ng văn Tròn	ẤP 1
29	Nguyễn Văn Giàu	ẤP 1
30	Lê văn Mọi	ẤP 1
31	Tạ Quang Vinh	ẤP 1
32	Huỳnh Văn Long	ẤP 1
33	H Văn C Em	ẤP 1
34	Nguyễn Văn Xinh	ẤP 1
35	Trần Vũ Toàn	ẤP 1
36	Lê Văn Bấy	ẤP 1
37	Nguyễn Thị Phí	ẤP 1
38	Phuọc	ẤP 1
39	Ng Văn Phường	ẤP 1
40	Lê Minh Tân	ẤP 1

STT	Họ và Tên	Địa chỉ
41	Huỳnh Văn Nhỏ	ẤP 1
42	Nguyễn Văn Thất	ẤP 1
43	Nguyễn Bé Tám	ẤP 1
44	Nguyễn Văn Hậu	ẤP 1
45	Bùi Văn Phúc	ẤP 1
46	Q C Kim Duyên	ẤP 1
47	Đoàn Văn Tinh	ẤP 1
48	Nguyễn Văn Bình	ẤP 1
49	Nguyễn Tấn Thành	ẤP 1
50	Nguyễn Văn Na	ẤP 1
51	Tô Thanh Bình	ẤP 1
52	Bùi Văn Đơ	ẤP 1
53	Phạm Văn Gấu	ẤP 1
54	Ng Văn Hoàng	ẤP 1
55	Phạm Hoài Linh	ẤP 1
56	Phạm Văn Minh	ẤP 1
57	Nguyễn Thị Lan	ẤP 1
58	Trần Văn Hạnh	ẤP 1
59	Đỗ Quốc Cự	ẤP 1
60	Đỗ Phước Lợi	ẤP 1
61	Ng văn Sĩ	ẤP 1
62	Huỳnh văn Vũ	ẤP 1
63	Phạm Thị Nương	ẤP 1
64	Châu văn Toàn	ẤP 1
65	Trần Nhất Chiến	ẤP 1
66	Huỳnh Văn Lợi	ẤP 1
67	Huỳnh Văn Linh 1	ẤP 1
68	Huỳnh Văn Linh 2	ẤP 1
69	Huỳnh Văn Bé	ẤP 1
70	Bùi Thị Phô	ẤP 1
71	Hùng Tấn Kết	ẤP 1
72	Võ Văn Mỹ	ẤP 1
73	Nguyễn Văn Soài	ẤP 1
74	Võ Thị Nơi	ẤP 1
75	Nguyễn Văn Đông	ẤP 1
76	Võ Thành Trung	ẤP 1
77	Võ Minh Bằng	ẤP 1
78	Trần Hùng Dũng	ẤP 1
79	Võ kim Giáp	ẤP 1
80	Phạm Thị Nữ	ẤP 1
81	Phạm Ngọc Minh	ẤP 1
82	Phạm ngọcj Minh 2	ẤP 1
83	Phạm T ng Hạnh	ẤP 1
84	Nguyễn Văn Bì	ẤP 1
85	Trần Thanh Hải	ẤP 1
86	Nguyễn Văn Đông	ẤP 1
87	Ng Văn Khuyên	ẤP 1

STT	Họ và Tên	Địa chỉ
88	Ng V Th Hòa	ẤP 1
89	Trần thị Hiệp	ẤP 1
90	Tạ thanh Vân	ẤP 1
91	Nguyễn Thị Bích	ẤP 1
92	Lý Như Ý	ẤP 1
93	Phạm Văn Hân	ẤP 1
94	Bùi Văn Hoạch	ẤP 1
95	Nguyễn Văn Lâu	ẤP 1
96	Lê Thành Luân	ẤP 1
97	Nguyễn Minh Hiếu	ẤP 1
98	Lê Thị Lùm	ẤP 1
99	Trần Văn Kha	ẤP 1
100	Nguyễn Văn Thành	ẤP 1
101	Lê Văn Nghĩa	ẤP 1
102	Nguyễn Văn Lùn	ẤP 1
103	Ng thị Uôn	ẤP 1
104	Ng thi Thu Ba	ẤP 1
105	Huỳnh văn Vũ	ẤP 1
106	Hùng tân Sang	ẤP 1
107	Ng văn Sĩ	ẤP 1
108	Ng quốc Bảo	ẤP 1
109	Ng thanh Tuấn	ẤP 1
110	Ng thị thủy Dung	ẤP 1
111	Ng thị Hiệp	ẤP 1
112	Ng thị kim Ngọc	ẤP 1
113	Trần hoàng Vinh	ẤP 1
114	Tạ thái Ngọc	ẤP 1
115	Tùng	ẤP 1
116	Phạm thành Chiến	ẤP 1
117	Mai kim Ri	ẤP 1
118	Công trình Cầu	ẤP 1
119	Ng thị Hạnh	ẤP 1
120	Toàn	ẤP 1
121	Hưng	ẤP 1
122	Huỳnh thị Lắm	ẤP 1
123	Nguyễn Tấn Lực	ẤP 3
124	Minh (hót Tóc)	ẤP 3
125	Võ Thị Nhiên	ẤP 3
126	Bùi Duy Khánh (Quán nước)	ẤP 3
127	Bùi Anh Phan (Tiệm bạc)	ẤP 3
128	Nguyễn Thị Thanh Duyên	ẤP 3
129	Cửa hàng Kim Cương	ẤP 3
130	Cơ sở may Ngọc Danh	ẤP 3
131	Trần Hoàng Nam	ẤP 3
132	Nguyễn Tùng Phương	ẤP 3
133	Phan Văn Hồng	ẤP 3
134	Bùi Văn Thuận	ẤP 3

STT	Họ và Tên	Địa chỉ
135	Nguyễn Trung Tín	ẤP 3
136	Tô Văn Qui	ẤP 3
137	Phước Nguyễn	ẤP 3
138	Quán phở	ẤP 3
139	Lê Văn Lận Em	ẤP 3
140	Nguyễn Phương Điền	ẤP 3
141	Nguyễn Thị Quán	ẤP 3
142	Nguyễn Văn Roi	ẤP 3
143	Hà Thanh Vũ	ẤP 3
144	Đoàn Tấn Đạt	ẤP 3
145	Vũ Thành Tâm	ẤP 3
146	Lã Thanh Út	ẤP 3
147	Nguyễn Văn Tâm	ẤP 3
148	Trương Hoài Thanh	ẤP 3
149	Nguyễn Hồng Khanh	ẤP 3
150	Nguyễn Thị Diệu	ẤP 3
151	Nguyễn Văn Nhon	ẤP 3
152	Đỗ Văn Hùng Cường	ẤP 3
153	Dương Văn Hở	ẤP 3
154	Bùi Văn Tâm	ẤP 3
155	Nguyễn Văn Tôn	ẤP 3
156	Thái Hữu Đức	ẤP 3
157	Ngô Văn Hồ	ẤP 3
158	Nguyễn Thị Bền	ẤP 3
159	Bùi Văn Phụ	ẤP 3
160	Trần Thiện Thanh	ẤP 3
161	Đào Văn Hoàn	ẤP 3
162	Trần Thị Bé Em	ẤP 3
163	Nhi (Sửa máy)	ẤP 3
164	Duyên (gà tre)	ẤP 3
165	Trần Thị Ngọc Phượng	ẤP 3
166	Nguyễn Văn Tét	ẤP 3
167	Nguyễn Văn Đồi	ẤP 3
168	Lê Văn Chát	ẤP 3
169	Nguyễn Hoàng Minh	ẤP 3
170	Huỳnh Văn Ni	ẤP 3
171	Nguyễn Thị Lệ Thanh	ẤP 3
172	Phan Quốc Tuấn	ẤP 3
173	Phạm Văn Thật	ẤP 3
174	Phạm Thị Hồng	ẤP 3
175	Trần Phước Lộc	ẤP 3
176	Phan Văn Bờ	ẤP 3
177	Nguyễn Văn Nhỏ	ẤP 3
178	Phan Văn Sang	ẤP 3
179	Tôn Thị Linh Thương	ẤP 3
180	Võ Văn Chưa	ẤP 3
181	Võ Văn Cọp	ẤP 3

STT	Họ và Tên	Địa chỉ
182	Huỳnh Văn Tiên	ẤP 3
183	Thuận Ti Vi	ẤP 3
184	Ng văn Hoà	ẤP 3
185	Vô hoàng Tuấn	ẤP 3
186	Nguyễn Thanh Phong	ẤP 3
187	Thái Thị Cẩm Loan	ẤP 3
188	Thái Văn Tuốt	ẤP 3
189	Tô Thị Cẩm Thu	ẤP 3
190	Nguyễn Văn Sang	ẤP 3
191	Nguyễn Thị Liễu	ẤP 3
192	Nguyễn Văn Dũng	ẤP 3
193	Ngọc Phi	ẤP 3
194	Nguyễn Văn Cường	ẤP 3
195	Trần Văn Đa	ẤP 3
196	Trần Văn Lô	ẤP 3
197	Nguyễn Văn Sang	ẤP 3
198	Hồ Ngọc Hết	ẤP 3
199	Phạm Văn Hiền	ẤP 3
200	Phạm Văn Trắng	ẤP 3
201	Nguyễn Văn Cước	ẤP 3
202	Ngô Thanh Tân	ẤP 3
203	Lê Văn Bi	ẤP 3
204	Võ Thị Hồng	ẤP 3
205	Đoàn Văn Rầy	ẤP 3
206	Võ Thị Tuyết	ẤP 3
207	Nguyễn Văn Ngàn	ẤP 3
208	Nguyễn Văn Phước	ẤP 3
209	Nguyễn Văn Dũng	ẤP 3
210	Trương Mẫu Giáo	ẤP 3
211	Lê chí Tùng	ẤP 3
212	Huỳnh Thị Tiêm	ẤP 3
213	Nguyễn Minh Mẫn	ẤP 3
214	Nguyễn Văn Bình(Lượm)	ẤP 3
215	Phạm Văn Hiệp	ẤP 3
216	Phạm Văn Phú	ẤP 3
217	Phạm Văn Giang	ẤP 3
218	Phạm Văn Sang	ẤP 3
219	Phạm Văn Thành	ẤP 3
220	Nguyễn Văn Thượng	ẤP 3
221	Văn Công Dũng	ẤP 3
222	Đoàn Văn Ảnh	ẤP 3
223	Nguyễn Thị Diếng	ẤP 3
224	Nguyễn Văn Phong	ẤP 3
225	Huỳnh Văn Tuấn	ẤP 3
226	Võ Văn Chiến	ẤP 3
227	Hồ Văn Tuấn	ẤP 3
228	Hồ Văn Khôi	ẤP 3

STT	Họ và Tên	Địa chỉ
229	Nguyễn Văn Tình	ẤP 3
230	Trần Văn Bé Mười	ẤP 3
231	Nguyễn Văn Ngon	ẤP 3
232	Trần Thị Lê	ẤP 3
233	Nguyễn Văn Niên	ẤP 3
234	Nguyễn Văn Chiến	ẤP 3
235	Lê Văn Thảo	ẤP 3
236	Lê Văn Minh	ẤP 3
237	Võ Văn Út	ẤP 3
238	Nguyễn Ngọc Trận	ẤP 3
239	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	ẤP 3
240	Bùi Văn Tâm	ẤP 3
241	Phan Văn Số	ẤP 3
242	Ngô Văn Thúc	ẤP 3
243	Lê Thị Minh	ẤP 3
244	Đoàn Văn Xoài	ẤP 3
245	Cao Thị Mỹ Châu	ẤP 3
246	Lý Văn Tài	ẤP 3
247	Nguyễn Văn Hải	ẤP 3
248	Nguyễn Văn Minh	ẤP 3
249	Nguyễn Văn Sáu	ẤP 3
250	Bùi Văn Sang	ẤP 3
251	Lê Văn Cường	ẤP 3
252	Nguyễn Phước Thảo	ẤP 3
253	Bùi Văn Trọng	ẤP 3
254	Ngọc	ẤP 3
255	Nguyễn Văn Tèo	ẤP 3
256	Nguyễn Trung Tín	ẤP 3
257	Nguyễn Thị Chi	ẤP 3
258	Nguyễn Thị Bé Năm	ẤP 3
259	Hồ Văn Nghĩa	ẤP 3
260	Nguyễn Trường Giang	ẤP 3
261	Nguyễn Văn Mương	ẤP 3
262	Trương Văn Khôi	ẤP 3
263	Bùi Nhật Trường	ẤP 3
264	Nguyễn Văn Hùng	ẤP 3
265	Bùi Văn Chí Linh	ẤP 3
266	Bùi Văn Bé	ẤP 3
267	Nguyễn Thị Bích Nương	ẤP 3
268	Nguyễn Văn Cương	ẤP 3
269	Tô Văn Trường	ẤP 3
270	Tô Văn Sơn	ẤP 3
271	Huỳnh Văn Dứt	ẤP 3
272	Nguyễn Thị Vàng	ẤP 3
273	Bùi Văn Lịch	ẤP 3
274	Trần Văn Tâm	ẤP 3
275	Nguyễn Văn Hùng	ẤP 3

STT	Họ và Tên	Địa chỉ
276	Triệu Hồng Hải	ẤP 3
277	Phạm Văn Cái	ẤP 3
278	Tô Thị Tia	ẤP 3
279	Phạm Văn Minh	ẤP 3
280	Huỳnh Văn Nô	ẤP 3
281	Nguyễn Hồng Châu	ẤP 3
282	Võ thị Hiền	ẤP 3
283	Phạm thị tuyết Sương	ẤP 3
284	Nguyễn Văn Đạo	ẤP 3
285	Nguyễn Văn Ngọc	ẤP 3
286	Bùi Chí Tâm	ẤP 3
287	Nguyễn Thị Hồng Sen	ẤP 3
288	Trần Thanh Hiếu	ẤP 3
289	Trần Phước Long	ẤP 3
290	Trương Văn Nhỏ	ẤP 3
291	Trần Thanh Be	ẤP 3
292	Trần Văn Tâm	ẤP 3
293	Nguyễn Thanh Thiện	ẤP 3
294	Trần Văn Bé	ẤP 3
295	Nguyễn Thị Bé Tư	ẤP 3
296	Nguyễn Thanh Tuấn	ẤP 3
297	Nguyễn Văn Oanh	ẤP 3
298	Nguyễn Văn Cự	ẤP 3
299	Ng hồng Phúc	ẤP 3
300	Mai Thành Nhân	ẤP 3
301	Nguyễn Hữu Thuận	ẤP 3
302	Chị Linh	ẤP 3
303	Lê Trí Tùng	ẤP 3
304	Tôn Thất Hạnh	ẤP 3
305	Nguyễn Văn Giang	ẤP 3
306	Nguyễn Thị Tím	ẤP 3
307	Nguyễn Thị Ai	ẤP 3
308	Võ ngọc Chiến	ẤP 3
309	Nguyễn Thị Điều	ẤP 3
310	Văn Công Khá	ẤP 3
311	Thái Thanh Bình	ẤP 3
312	Nguyễn Đức Chơn	ẤP 3
313	Nguyễn Văn Mông	ẤP 3
314	Nguyễn Văn Phương	ẤP 3
315	Nguyễn Văn Đáo	ẤP 3
316	Nguyễn Ngọc Tính	ẤP 3
317	Lê Văn Gân	ẤP 3
318	Lê Văn Câu	ẤP 3
319	Lê Phước Thanh	ẤP 3
320	Trần Văn Dung (Lê)	ẤP 3
321	Lê Minh Tân	ẤP 3
322	Nguyễn Văn Út	ẤP 3

STT	Họ và Tên	Địa chỉ
323	Lê Hồng Thảo	ẤP 3
324	Võ Văn Mười	ẤP 3
325	Võ Văn Bự	ẤP 3
326	Nguyễn Thị Phượng	ẤP 3
327	Lê Ngọc Quý	ẤP 3
328	Lê Văn Quang	ẤP 3
329	Nguyễn Thanh Minh	ẤP 3
330	Võ Thành Phong	ẤP 3
331	Võ Thanh Tòng	ẤP 3
332	Bùi Văn Tông	ẤP 3
333	Đinh Thị Bảnh	ẤP 3
334	Lê Đức Thắng	ẤP 3
335	Trần Thị Tuyền	ẤP 3
336	Lê Minh Thành	ẤP 3
337	Bùi Văn Hùng	ẤP 3
338	Nguyễn Hữu Phước	ẤP 3
339	Nguyễn Minh Châu	ẤP 3
340	Nguyễn Văn Hùng	ẤP 3
341	Lê Văn Thạnh	ẤP 3
342	Trần Văn Lợi	ẤP 3
343	Lê Văn Bờ	ẤP 3
344	Bùi Văn Chí Linh 2	ẤP 3
345	Vũ Thanh Tâm	ẤP 3
346	Trần Thị Nhị	ẤP 3
347	Võ Thanh Tùng	ẤP 3
348	Nguyễn Văn Khỏe	ẤP 3
349	Trần Thị Lờ	ẤP 3
350	Nguyễn Văn Lành	ẤP 3
351	Lê Minh Trí	ẤP 3
352	Trần Văn Đoàn	ẤP 3
353	Lê Ngọc Đồi	ẤP 3
354	Nguyễn Thị Hoàng	ẤP 3
355	Trần Thị Nhanh	ẤP 3
356	Nguyễn Thị Như Ngọc	ẤP 3
357	Quán Cơm Ngọc Danh	ẤP 3
358	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	ẤP 3
359	Nguyễn Trung Hiếu	ẤP 3
360	Võ Thanh Tuấn	ẤP 3
361	Vũ (óc)	ẤP 3
362	Lâm Thị Loan	ẤP 3
363	Nguyễn Văn Thao	ẤP 3
364	Nguyễn Văn Hiệp	ẤP 3
365	Nguyễn Văn Dũng	ẤP 3
366	Trần Thanh Tú	ẤP 3
367	Ng Văn Tiến (MS)	ẤP 3
368	Phan Văn Tư (MS)	ẤP 3
369	Đỗ Văn Nam	ẤP 3

STT	Họ và Tên	Địa chỉ
370	Nguyễn Văn Tài	ẤP 3
371	Nguyễn Thanh Ảnh	ẤP 3
372	Trần Văn Quế	ẤP 3
373	Võ Văn Lợi	ẤP 3
374	Phạm Văn Hùng	ẤP 3
375	Mai Văn Đen	ẤP 3
376	Phạm Minh Hải	ẤP 3
377	Lê Thị Nem	ẤP 3
378	Đinh Văn Hà	ẤP 3
379	Nguyễn Thanh Bình	ẤP 3
380	Huỳnh Thị Thanh	ẤP 3
381	Ng thị Nguyệt	ẤP 3
382	Trần Văn Ứng	ẤP 3
383	Phạm thị mai trang(MS)	ẤP 3
384	Võ Văn Tân	ẤP 3
385	Lê Văn Hào	ẤP 3
386	Lê Duy Khánh	ẤP 3
387	Lê Văn Nhàn	ẤP 3
388	Đỗ Văn Dự	ẤP 3
389	Trương Thị Thất	ẤP 3
390	Trần Thị Phương	ẤP 3
391	Lâm Văn Vuôi	ẤP 3
392	Nguyễn Trường Hận	ẤP 3
393	Đỗ Văn Chúc	ẤP 3
394	Trần Phi Hùng	ẤP 3
395	Trương Văn Lâm	ẤP 3
396	Nguyễn Hiền Lương	ẤP 3
397	Ng Thị Lệ Hoa (MS)	ẤP 3
398	Ng V c Phương (MS)	ẤP 3
399	Nguyễn Thành Vĩnh	ẤP 3
400	Huỳnh Văn Thống	ẤP 3
401	Nguyễn Thanh Sang	ẤP 3
402	Ngô Thị Thúy An	ẤP 3
403	Nguyễn Hữu Đức	ẤP 3
404	Nguyễn Thành Xinh	ẤP 3
405	Lý Quốc Thái	ẤP 3
406	Lê Văn Bé Bảy	ẤP 3
407	Hoàng	ẤP 3
408	Tô ngọc Tuyên	ẤP 3
409	Lê Hồng Phước 1	ẤP 3
410	Mai Hồng Khanh	ẤP 3
411	Hồ Văn Tiêm	ẤP 3
412	Nguyễn Văn Hà	ẤP 3
413	Ngô Văn Vàng	ẤP 3
414	Ngô Thị Bích Nhung	ẤP 3
415	Hồ Văn Khanh	ẤP 3
416	Nguyễn Văn Phương	ẤP 3

STT	Họ và Tên	Địa chỉ
417	Nguyễn Văn Chính	ẤP 3
418	Lê Hồng Phước 2	ẤP 3
419	Nguyễn Văn Sơn	ẤP 3
420	Nguyễn Phương Bình	ẤP 3
421	Ngô Thị Bích Nhung	ẤP 3
422	Hồ Văn Khanh	ẤP 3
423	Nguyễn Văn Phương	ẤP 3
424	Nguyễn Văn Chính	ẤP 3
425	Lê Hồng Phước 2	ẤP 3
426	Nguyễn Văn Sơn	ẤP 3
427	Nguyễn Phương Bình	ẤP 3
428	Nguyễn Công Khanh	ẤP 3
429	Hồ Văn Chùng (519)	ẤP 3
430	Nguyễn Giang Thanh	ẤP 3
431	Nguyễn Văn Chiến	ẤP 3
432	Lê Ngọc Vũ	ẤP 3
433	Đỗ ngọc Vũ	ẤP 3
434	Đỗ Thị Bích Thủy	ẤP 3
435	Nguyễn Văn Hiền	ẤP 3
436	Vũ Hoàng Long Hồ	ẤP 3
437	Nguyễn Thị Lệ Thủy	ẤP 3
438	Đỗ Hữu Tuấn	ẤP 3
439	Nguyễn Hoàng An	ẤP 3
440	Võ Văn Lê	ẤP 3
441	Phạm Thanh Nhân	ẤP 3
442	Ng thị ngọc Quý	ẤP 3
443	Huỳnh H Trường	ẤP 3
444	Trần Văn Hiện	ẤP 3
445	Lê Thị Kim Thủy	ẤP 3
446	Cao Văn Út Hiền	ẤP 3
447	Nguyễn Hữu Căn 1	ẤP 3
448	Trần thị Mai (MS)	ẤP 3
449	Nguyễn Văn So	ẤP 3
450	Nguyễn Văn Dũng	ẤP 3
451	Nguyễn H Giang	ẤP 3
452	Trần Văn Phượt	ẤP 3
453	Nguyễn Kim Hoàng	ẤP 3
454	Dương Văn Riêm	ẤP 3
455	Phan Thị Hạnh	ẤP 3
456	Trần Văn Định	ẤP 3
457	Phan thị Hạnh	ẤP 3
458	Nguyễn Văn Dũng	ẤP 3
459	Nguyễn H Giang	ẤP 3
460	Trần Văn Phượt	ẤP 3
461	Nguyễn Kim Hoàng	ẤP 3
462	Dương Văn Riêm	ẤP 3
463	Phan Thị Hạnh	ẤP 3

STT	Họ và Tên	Địa chỉ
464	Trần Văn Định	ẤP 3
465	Phan thị Hạnh	ẤP 3
466	Phạm Văn Hòn	ẤP 3
467	Phạm Văn Cung	ẤP 3
468	Trương văn Tuấn	ẤP 3
469	Phạm Ngọc Linh	ẤP 3
470	Phạm Hoàng Nhi	ẤP 3
471	Nguyễn Văn Khoa	ẤP 3
472	Ngô Hoài Tâm	ẤP 3
473	Nguyễn Văn Thơm	ẤP 3
474	Hồ Toàn Thiện	ẤP 3
475	Ng Văn Vinh (MS)	ẤP 3
476	Phạm Anh Tú	ẤP 3
477	Khanh	ẤP 3
478	Thái lớn	ẤP 3
479	Nguyễn Văn E	ẤP 3
480	Mai Thanh Tùng	ẤP 3
481	Mai Thanh Phong	ẤP 3
482	Trần Thanh Nhân	ẤP 3
483	Nguyễn Thu Minh	ẤP 3
484	Phan Huệ Tâm	ẤP 3
485	Phạm Văn Nhi	ẤP 3
486	Dương Ngọc Tài	ẤP 3
487	Dương Văn Phước	ẤP 3
488	Nguyễn Thị Hương	ẤP 3
489	Cao Thị Kim Ngọc	ẤP 3
490	Trần Thị Gân	ẤP 3
491	Trần Văn Tờ	ẤP 3
492	Trần Thị Bảy	ẤP 3
493	Phạm Thành Thống	ẤP 3
494	Hà Thanh Quan	ẤP 3
495	Đinh Văn Giáp (MS)	ẤP 3
496	Trần Thị Ngọc Hiền	ẤP 3
497	Được quán (MS)	ẤP 3
498	Dương ngọc Đẹp (MS)	ẤP 3
499	Dương ngọc Tiên (MS)	ẤP 3
500	Lê Văn Tuấn	ẤP 3
501	Lê Thị Thúy An	ẤP 3
502	Trần Thị Lệ	ẤP 3
503	Ng Thị T Phương	ẤP 3
504	Lưu Văn Phước	ẤP 3
505	Trần Văn Tàu	ẤP 3
506	Hồ Ngọc Thuận	ẤP 3
507	Lê thị cảm Giang	ẤP 3
508	Phan Thị Diễm Thúy	ẤP 3
509	Lu Văn Xa	ẤP 3
510	Nguyễn Văn Đục	ẤP 3

STT	Họ và Tên	Địa chỉ
511	Ngô Thị Kim Xuyên	ẤP 3
512	Ng Thúy Phượng	ẤP 3
513	Ngô Thị Kim Hương	ẤP 3
514	Trần thị Hà (MS)	ẤP 3
515	Phạm Minh Nhật (MS)	ẤP 3
516	Phạm thị lệ Thủy (MS)	ẤP 3
517	Hồ thị huyền Trang	ẤP 3
518	Huỳnh văn Nút	ẤP 3
519	Cô Bích	ẤP 3
520	Ng văn Ró	ẤP 3
521	Nguyễn minh Lý	ẤP 3
522	Trần v Ứng Gân(MS)	ẤP 3
523	TR Tiểu học B T	ẤP 3
524	TR TH CS BT	ẤP 3
525	Trường THCS B T	ẤP 3
526	Trường Tiểu Học BT 2	ẤP 3
527	Căn Tin	ẤP 3
528	Võ Thị Giếng	ẤP 3
529	Phạm Phú Tha	ẤP 3
530	Nguyễn Văn Khang	ẤP 3
531	Nguyễn Văn Được	ẤP 3
532	Võ Văn Hoàng	ẤP 3
533	Ng Thị Mỹ Loan	ẤP 3
534	Lê Đức Thắng	ẤP 3
535	Thắng	ẤP 3
536	Huỳnh Văn Quang	ẤP 3
537	Cao Thị ThTuyên	ẤP 3
538	Lê Ngọc Vũ	ẤP 3
539	Lê Thị Bé Em	ẤP 3
540	Trương Quốc Đạt	ẤP 3
541	Ngô Thị Giao	ẤP 3
542	Đỗ Thanh Cầm	ẤP 3
543	Võ Văn Diều	ẤP 3
544	Trịnh thị Năng	ẤP 3
545	Nguyễn Văn Ki	ẤP 3
546	Ng Thị Kiều Mai	ẤP 3
547	Trần Thị Mái	ẤP 3
548	Phạm Văn Lâm	ẤP 3
549	Nguyễn Thanh Dư	ẤP 3
550	Nguyễn Văn Linh	ẤP 3
551	Phan Thanh Sang	ẤP 3
552	Nguyễn Công Chức	ẤP 3
553	Nguyễn Chí Linh	ẤP 3
554	Dương Thị Xơ	ẤP 3
555	Phan Đức Thắng	ẤP 3
556	Phan Văn Tư	ẤP 3
557	Hồ thị Bé	ẤP 3

STT	Họ và Tên	Địa chỉ
558	Phạm Tấn Tài	ẤP 3
559	Phạm thanh Lâm	ẤP 3
560	Đỗ Thị Nga	ẤP 3
561	Nguyễn Bảo Toàn	ẤP 3
562	Huỳnh thị Nhi	ẤP 3
563	Hồ thị Bé 2	ẤP 3
564	Ngô Văn Phấn	ẤP 3
565	Trần Văn Bảy	ẤP 3
566	Nguyễn Văn Sang	ẤP 3
567	Dương Thị Giàu	ẤP 3
568	Lê Hoàng Khang	ẤP 3
569	Võ Văn Đèo	ẤP 3
570	Hồ Văn Hải	ẤP 3
571	Võ Văn Hiệp	ẤP 3
572	Nguyễn Văn Hợp	ẤP 3
573	Võ Văn Suốt	ẤP 3
574	Nguyễn Hải Đăng	ẤP 3
575	Võ Thanh Tam	ẤP 3
576	Nguyễn Văn Tèo	ẤP 3
577	Nguyễn Minh Chiến	ẤP 3
578	Trần Minh Hùng	ẤP 3
579	Nguyễn Văn Lệ Lớn	ẤP 3
580	Nguyễn Thị Diện	ẤP 3
581	Nguyễn Thị Que	ẤP 3
582	Nguyễn Quốc Trung	ẤP 3
583	Ng Thanh Tuyên	ẤP 3
584	Lê Thanh Vũ	ẤP 3
585	Nguyễn Thanh Tâm	ẤP 3
586	Ng vũ Luân	ẤP 3
587	Phong(Vũ Thanh)	ẤP 3
588	Trần Văn Tuấn	ẤP 3
589	Dương Tùng Anh	ẤP 3
590	Võ Ngọc Yến Thanh	ẤP 3
591	Mai Phải	ẤP 3
592	Nguyễn Hồng Chí	ẤP 3
593	Huỳnh Văn Lâm (910)	ẤP 3
594	Lê Thị Cẩm Tú	ẤP 3
595	Trần Ngọc Càn	ẤP 3
596	Nguyễn Thị Thùy Dương	ẤP 3
597	Đình Văn Hoàng	ẤP 3
598	Nguyễn Văn Tuấn	ẤP 3
599	Trương Ngọc Giàu	ẤP 3
600	Nguyễn Thành Đước	ẤP 3
601	Võ Thị Quạ	ẤP 3
602	Võ Văn Mãng	ẤP 3
603	Nguyễn Thị Thúy	ẤP 3
604	Lý Bích Thủy	ẤP 3

STT	Họ và Tên	Địa chỉ
605	Phạm Văn Nhò	ẤP 3
606	Phạm Thanh Hồng	ẤP 3
607	Nguyễn Văn Ân	ẤP 3
608	Huỳnh Văn Lũy	ẤP 3
609	Nguyễn Văn Tráng	ẤP 3
610	Dương Văn Đông	ẤP 3
611	Lê Văn Tuấn	ẤP 3
612	Đặng Minh Minh	ẤP 3
613	Nguyễn Văn Tâm	ẤP 3
614	Huỳnh Thị Kim Dung	ẤP 3
615	Nguyễn Văn Ngọc	ẤP 3
616	Đỗ Quang Trung	ẤP 3
617	Dương Thị Kim Loan	ẤP 3
618	Trần Văn Tuyết	ẤP 3
619	Nhà góc mai	ẤP 3
620	Phan Văn Lợi	ẤP 3
621	Lê Thị Phi	ẤP 3
622	Văn Công Giang	ẤP 3
623	Nguyễn Tấn Hùng	ẤP 3
624	Lê Văn Thắng	ẤP 3
625	Nguyễn Văn Lái	ẤP 3
626	Dương Văn Tư	ẤP 3
627	Trần Văn Suốt	ẤP 3
628	Nguyễn Thành Công	ẤP 3
629	Trần Thị Mỹ	ẤP 3
630	Dương Thanh Tuyên	ẤP 3
631	Lê Thanh Phong	ẤP 3
632	Nguyễn Thanh Sang	ẤP 3
633	Phạm Thị Hồng Ba	ẤP 3
634	Võ Văn Tuyên	ẤP 3
635	Lê Văn Pha	ẤP 3
636	Châu Văn Hậu	ẤP 3
637	Trần Văn Đờ	ẤP 3
638	Phan Văn Tường	ẤP 3
639	Nguyễn Văn Linh	ẤP 3
640	Đinh Văn Lớn	ẤP 3
641	Trần Công Bình	ẤP 3
642	Phan Ngọc Trí	ẤP 3
643		ẤP 3
644	Phan Hoàng Nam	ẤP 3
645	Phạm Văn Thành	ẤP 3
646	Nguyễn Văn Dớ	ẤP 3
647	Nguyễn Văn Đông	ẤP 3
648	Nguyễn Văn Được	ẤP 3
649	Châu	ẤP 3
650	Lê Văn Tám	ẤP 3
651	Bùi Văn Lục	ẤP 3

STT	Họ và Tên	Địa chỉ
652	Phan Văn Hoàng	ẤP 3
653	Nguyễn Văn Vị	ẤP 3
654	Nguyễn Thị Nga	ẤP 3
655	Bùi Văn Hiệp	ẤP 3
656	Hoàng Oanh	ẤP 3
657	Ng văn Ngàn	ẤP 3
658	Bùi Quang Nhật	ẤP 3
659	Trần Văn Bi	ẤP 3
660	Út Thu	ẤP 3
661	Được Thầy Giáo	ẤP 3
662	Ng Thị Thanh Tuyền	ẤP 3
663	Trần Thị Deo	ẤP 3
664	Tèo	ẤP 3
665	Hưng	ẤP 3
666	Châu	ẤP 3
667	Phong	ẤP 3
668	Lan	ẤP 3
669	Tài	ẤP 3
670	Ng Thị phương Dung	ẤP 3
671	Hồng	ẤP 3
672	Đạt	ẤP 3
673	Xoàn	ẤP 3
674	5 Vịt	ẤP 3
675	Phương	ẤP 3
676	Nguyễn Văn Lành	ẤP 3
677	Lương Văn Cường	ẤP 3
678	Nhật Trường	ẤP 3
679	Đoàn Thanh Trung	ẤP 3
680	Phan Văn Tinh	ẤP 3
681	Chị Kiều Bán Quần Áo	ẤP 3
682	Nguyễn Văn Trường	ẤP 3
683	Ph Văn Thương B Q Áo	ẤP 3
684	Huỳnh Thị Hạnh	ẤP 3
685	Quây Thuốc Thu Sương	ẤP 3
686	Phước Quyên	ẤP 3
687	Trần Minh Thuận	ẤP 3
688	Chị Thúy Công Q Áo	ẤP 3
689	Nguyễn Thiên Phúc	ẤP 3
690	Hữu Thọ	ẤP 3
691	Mai Thị Ân	ẤP 3
692	Xế	ẤP 3
693	Soái	ẤP 3
694	Ngô Thị Diện	ẤP 3
695	Yến	ẤP 3
696	Châu	ẤP 3
697	Ly	ẤP 3
698	Như	ẤP 3

STT	Họ và Tên	Địa chỉ
699	Ánh	ẤP 3
700	Minh	ẤP 3
701	Lành	ẤP 3
702	Hồng 2	ẤP 3
703	Thúy Rau	ẤP 3
704	Tô Văn Khá	ẤP 3
705	Tô Văn Pha	ẤP 3
706	Chị Thiện Thanh	ẤP 3
707	Buu Điện	ẤP 3
708	Nhà Vệ Sinh Ủy Ban	ẤP 3
709	Ng Thị Nhỏ (Q Com 3 Gan)	ẤP 3
710	Phạm Thị Âm	ẤP 3
711	7 Nương	ẤP 3
712	Trần Văn Đăng	ẤP 3
713	Trần Phú Hiệp	ẤP 3
714	Đỗ Mỹ Hằng	ẤP 3
715	Nguyễn Tấn Lực	ẤP 3
716	Hằng Đồ Núi 2	ẤP 3
717	Kim Hai	ẤP 3
718	Lê Kim Xuyên	ẤP 3
719	Nguyễn Văn Tài	ẤP 3
720	Nguyễn Thị Thu Thảo	ẤP 3
721	Đoàn Thị Phương	ẤP 3
722	Lê Thị Ngọc Diễm	ẤP 3
723	Trần Thị Kim Dung	ẤP 3
724	Lê Văn Quý	ẤP 3
725	Phạm Lê Khôi	ẤP 3
726	Nguyễn Thị Châm	ẤP 3
727	Văn Lợi Khởi	ẤP 3
728	Nguyễn Thị Tôm	ẤP 3
729	Nguyễn Văn Be	ẤP 3
730	Nguyễn Hải Huy	ẤP 3
731	Bảo Toàn	ẤP 3
732	Thu minh Gà	ẤP 3
733	Hạnh Bánh	ẤP 3
734	Nguyễn	ẤP 3
735	Nguyễn Văn Tun	ẤP 3
736	Nguyễn Thị Trà	ẤP 3
737	Ngô Thị Lợi	ẤP 3
738	Võ Thành Hưng	ẤP 3
739	Nguyễn Hoàng Giang	ẤP 3
740	Lê Văn Thêm	ẤP 3
741	Tôn Thất Hùng	ẤP 3
742	Bùi Văn Cang	ẤP 3
743	Nguyễn Thị Thoa	ẤP 3
744	Lê Văn Hùng	ẤP 3
745	Ng văn Hồ	ẤP 3

STT	Họ và Tên	Địa chỉ
746	Đình Văn Không	ẤP 3
747	Lê cchi Tùng	ẤP 3
748	Phan Quốc Phong	ẤP 3
749	Bùi Văn Canh	ẤP 3
750	Kho Hai Vị	ẤP 3
751	Nguyễn Văn Bé	ẤP 3
752	Phạm thị tuyết Oanh	ẤP 3
753	Hải Cửa Sắt	ẤP 3
754	Dũng Ớt	ẤP 3
755	Đỗ Bá Nha	ẤP 3
756	Bùi Văn Khánh	ẤP 3
757	Nguyễn Văn Đượ	ẤP 3
758	Nguyễn Thị Yên	ẤP 3
759	Tôn Thất Hưng	ẤP 3
760	Nguyễn Thanh Thảo	ẤP 3
761	Thịnh Phát	ẤP 3
762	Lê Thị Ngát	ẤP 3
763	Phạm Văn Dũng	ẤP 3
764	Nguyễn Văn Ú	ẤP 3
765	Chị Phụng	ẤP 3
766	Nguyễn Văn Sáng	ẤP 3
767	Phan Văn Phụng	ẤP 3
768	Lê Thị Nhà	ẤP 3
769	TUYẾT Oanh	ẤP 3
770	Trương Mầm Non	ẤP 3
771	Hiệp 3	ẤP 3
772	Đỗ Thái Hòa	ẤP 3
773	Bùi Văn Nhân	ẤP 3
774	Nguyễn Văn Gan	ẤP 3
775	Nguyễn Văn Giang	ẤP 3
776	Võ Thị Lan	ẤP 3
777	Nguyễn Thị Mỹ Phụng	ẤP 3
778	Võ Văn Buôn	ẤP 3
779	Trần thị Hành	ẤP 3
780	phạm Văn SỰ	ẤP 3
781	Nguyễn Văn Nhật	ẤP 3
782	Bùi Thị Gương	ẤP 3
783	Dương Hoài Mỹ	ẤP 3
784	Nguyễn Văn Sương	ẤP 3
785	Hồ Văn Nhỏ	ẤP 3
786	Phú Cube	ẤP 3
787	Nhà Vệ Sinh Tập Thể	ẤP 3
788	Nhà Tập thể	ẤP 3
789	Nhà Tập Thể Thầy Cô Giáo	ẤP 3
790	Trạm Y Tế	ẤP 3
791	Phạm thị Nga	ẤP 3
792	Ng văn Hửu	ẤP 3

STT	Họ và Tên	Địa chỉ
793	Phong(Vũ Thanh)	ẤP 3
794	Trần Văn Tuấn	ẤP 3
795	Dương Tùng Anh	ẤP 3
796	Võ Ngọc Yến Thanh	ẤP 3
797	Mai Phải	ẤP 3
798	Nguyễn Hồng Chí	ẤP 3
799	Huỳnh Văn Lâm (910)	ẤP 3
800	Lê Thị Cẩm Tú	ẤP 3
801	Trần Ngọc Cần	ẤP 3
802	Nguyễn Thị Thùy Dương	ẤP 3
803	Đình Văn Hoàng	ẤP 3
804	Nguyễn Văn Tuấn	ẤP 3
805	Trương Ngọc Giàu	ẤP 3
806	Nguyễn Thành Được	ẤP 3
807	Võ Thị Quạ	ẤP 3
808	Võ Văn Măng	ẤP 3
809	Nguyễn Thị Thúy	ẤP 3
810	Lý Bích Thủy	ẤP 3
811	Phạm Văn Nhờ	ẤP 3
812	Phạm Thanh Hồng	ẤP 3
813	Nguyễn Văn Ân	ẤP 3
814	Huỳnh Văn Lũy	ẤP 3
815	Phạm thị Hồng	ẤP 3
816	Dương Văn Đông	ẤP 3
817	Lê Văn Tuấn	ẤP 3
818	Đặng Minh Minh	ẤP 3
819	Nguyễn Văn Tâm	ẤP 3
820	Huỳnh Thị Kim Dung	ẤP 3
821	Nguyễn Văn Ngọc	ẤP 3
822	Đỗ Quang Trung	ẤP 3
823	Ng thị Út	ẤP 3
824	Dương Thị Kim Loan	ẤP 3
825	Trần Văn Tuyết	ẤP 3
826	Nhà góc mai	ẤP 3
827	Phan Văn Lợi	ẤP 3
828	Lê Thị Phi	ẤP 3
829	Văn Công Giang	ẤP 3
830	Nguyễn Tấn Hùng	ẤP 3
831	Lê Văn Thắng	ẤP 3
832	Nguyễn Văn Lái	ẤP 3
833	Dương Văn Tư	ẤP 3
834	Trần Văn Suốt	ẤP 3
835	Nguyễn Thành Công	ẤP 3
836	Trần Thị Mỹ	ẤP 3
837	Trần tấn Quốc	ẤP 3
838	Lê Thanh Phong	ẤP 3
839	Nguyễn Thanh Sang	ẤP 3

STT	Họ và Tên	Địa chỉ
840	Phạm tấn Khoa	ẤP 3
841	Võ Văn Tuyên	ẤP 3
842	Lê Văn Pha	ẤP 3
843	Châu Văn Hậu	ẤP 3
844	Trần Văn Đờ	ẤP 3
845	Phan Văn Tường	ẤP 3
846	Nguyễn Văn Linh	ẤP 3
847	Đình Văn Lớn	ẤP 3
848	Trần Công Bình	ẤP 3
849	Phan Ngọc Trí	ẤP 3
850	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	ẤP 4
851	Nguyễn Thị Hồng Sen	ẤP 4
852	Hà Văn Sang	ẤP 4
853	Nguyễn Văn Đèo	ẤP 4
854	Nguyễn Minh Tâm	ẤP 4
855	Nguyễn Thanh Phong	ẤP 4
856	Nguyễn Văn Hùng	ẤP 4
857	Nguyễn Văn Giang	ẤP 4
858	Lê Quang Sang	ẤP 4
859	Nguyễn Thị Lực	ẤP 4
860	Nguyễn Thị Vân	ẤP 4
861	Lê Văn Tỏa	ẤP 4
862	Đặng Văn Sang	ẤP 4
863	Nguyễn Văn Sơn	ẤP 4
864	Lâm Thị Phường	ẤP 4
865	Ng văn Cao	ẤP 4
866	Nguyễn Thanh Thuận	ẤP 4
867	Nguyễn Văn Thương	ẤP 4
868	Nguyễn Văn Phường	ẤP 4
869	Nguyễn Văn Rộng	ẤP 4
870	Lê Văn Đô Em	ẤP 4
871	Trần Văn Sơn	ẤP 4
872	Nguyễn Văn Rin	ẤP 4
873	Võ Hoàng Khâm	ẤP 4
874	Lê Bá Kính	ẤP 4
875	Lê Văn Bí	ẤP 4
876	Lê Văn Hạnh	ẤP 4
877	Lê Văn Phước	ẤP 4
878	Trương Văn Bình	ẤP 4
879	Huỳnh Văn Bảy	ẤP 4
880	Ng văn Cao	ẤP 4
881	Trần minh Hải	ẤP 4
882	Lê văn Đức	ẤP 4
883	Lê bá Gỏi	ẤP 4
884	Ng văn No	ẤP 4
885	Huỳnh Thị Xuân	ẤP 4
886	Huỳnh Văn Sơn	ẤP 4

STT	Họ và Tên	Địa chỉ
887	Lê Văn Xuân	ẤP 4
888	Nguyễn Thị Lạ	ẤP 4
889	Phạm thị Chuông	ẤP 4
890	Trang Gia Nhật	ẤP 4
891	Trần Minh Huy	ẤP 4
892	Nguyễn văn Cao 2	ẤP 4
893	Bùi Quốc Ninh	ẤP 4
894	Ng Văn Hiệp Nhỏ	ẤP 4
895	Nguyễn Văn Mừng	ẤP 4
896	Trần Hoàng Nhân	ẤP 4
897	Lê Minh Tuấn	ẤP 4
898	Đỗ Thanh Trang	ẤP 4
899	Đình Phước Hùng	ẤP 4
900	Nguyễn Ngọc Bích	ẤP 4
901	Cao Khắc Tính	ẤP 4
902	Đặng Văn Phúc	ẤP 4
903	Đặng Văn Bình	ẤP 4
904	Lê Minh Vũ	ẤP 4
905	Lê Minh Hiếu	ẤP 4
906	Lê Thị Ngọc Xinh	ẤP 4
907	Lê Thị Đặng	ẤP 4
908	Bùi Văn Phú	ẤP 4
909	Nguyễn Thị Kim Tho	ẤP 4
910	Mai Hồng Xuân	ẤP 4
911	Nguyễn Văn Quân	ẤP 4
912	Đoàn Thị Như Ý	ẤP 4
913	Nguyễn Văn Lợi	ẤP 4
914	Nguyễn Văn Thêm	ẤP 4
915	Nguyễn Văn Tùng	ẤP 4
916	Lê Văn Gan	ẤP 4
917	Nguyễn Thanh Vũ	ẤP 4
918	Nguyễn Thị Lài	ẤP 4
919	Nguyễn Văn Diệm	ẤP 4
920	Nguyễn Duy Linh	ẤP 4
921	Trương Văn Phúc	ẤP 4
922	Lê Văn Tuấn	ẤP 4
923	Nguyễn Thị Kiệp	ẤP 4
924	Hà Văn Diệm	ẤP 4
925	Nguyễn Văn Hợp	ẤP 4
926	Đặng Văn Việt	ẤP 4
927	Nguyễn Thị Năm	ẤP 4
928	Dương Văn Nam	ẤP 4
929	Ng minh Hồng	ẤP 4
930	Lê văn long	ẤP 4
931	Nguyễn Văn Đông	ẤP 4
932	Phan Văn Dũng	ẤP 4
933	Trần Thị Dọn	ẤP 4

STT	Họ và Tên	Địa chỉ
934	Ng thanh Sơn	ẤP 4
935	Nguyễn Thị Num	ẤP 4
936	Lê Thanh Nghị	ẤP 4
937	Nguyễn T Hằng	ẤP 4
938	Lê Thị Phụng	ẤP 4
939	Nguyễn Văn Hồ	ẤP 4
940	Nguyễn Văn Khước	ẤP 4
941	Trần Chí Cường	ẤP 4
942	Nguyễn Thị B Tuyên	ẤP 4
943	Nguyễn Văn Nguyên	ẤP 4
944	Trần Phương Linh	ẤP 4
945	Trần Văn Tiến	ẤP 4
946	Trần Văn Bé	ẤP 4
947	Ng thanh Hiệp	ẤP 4
948	Ng văn Nhân	ẤP 4
949	Phạm thị Mỹ Nương	ẤP 4
950	Ng văn Kịch	ẤP 4
951	Trần văn Hải	ẤP 4
952	Châu quốc Huy	ẤP 4
953	Ngô văn Bình	ẤP 4
954	Ng văn Kết	ẤP 4
955	Lê văn Chúc	ẤP 4
956	Ng văn Minh	ẤP 4
957	Giang sửa Xe	ẤP 4
958	Quân Đội	ẤP 4
959	Quân Đội 2	ẤP 4
960	Quân Đội 3	ẤP 4
961	Quân Đội 4	ẤP 4
962	Quân Đội 5	ẤP 4
963	Quân Đội 4	ẤP 4
964	Quân Đội 5	ẤP 4

Tổng số:	964 hộ
ấp 1	123 hộ
ấp 3	726 hộ
ấp 4	115 hộ

Chủ cơ sở
(kí, ghi rõ họ tên)

Hoà
Nguyễn Thanh Hoà

**UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ BÌNH THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 462 /UBND-KT
V/v xác nhận danh sách hộ sử dụng
nước từ Trạm cấp nước Ấp 1

Bình Thành, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Kính gửi:

- Phòng Kinh tế;
- Cơ sở Trạm cấp nước ấp 1, xã Bình Thành.

Trả lời nội dung đơn đề nghị của bà Nguyễn Thanh Hoa, đại diện cơ sở Trạm cấp nước ấp 1, xã Bình Thành về việc xác nhận các tuyến đường ống cấp nước Trạm cấp nước ấp 1;

Ủy ban nhân dân Xã chỉ đạo Phòng Kinh tế chủ trì phối hợp các đơn vị liên quan tiến hành khảo sát theo đơn đề nghị (*Kèm theo Biên bản khảo sát*);

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế tại Công văn số 195/PKT ngày 29/01/2026 về việc đề nghị xác nhận danh sách hộ sử dụng nước từ Trạm cấp nước ấp 1 cung cấp.

Ủy ban nhân dân xã Bình Thành có ý kiến như sau:

- Thống nhất các tuyến đường ống nước sạch do Trạm cấp nước ấp 1, địa chỉ: ấp 1, xã Bình Thành đã đầu tư và cung cấp nước ổn định cho các hộ dân ở các ấp 1, ấp 3, ấp 4 với tổng số 964 hộ (*có danh sách kèm theo*).

- Giao phòng Kinh tế theo dõi tình hình thực hiện các hồ sơ thủ tục phân vùng cấp nước của Trạm cấp nước ấp 1./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND xã;
- LĐVP, NC/UB;
- Lưu: VT, Gi.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Công



013/2024/BCT/KNTP

385/QĐ-BVTV-KH

019/2023/BYT-KNTP



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: MM25095347

Trang: 1/3

- Tên mẫu: Nước sinh hoạt
- Số lượng: 1,5 lít x 01 chai
- Mô tả mẫu: Mẫu do khách hàng mang đến, đựng trong chai nhựa.
TCN ấp 1, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp
- Ngày nhận mẫu: 19/9/2025
- Ngày trả kết quả: 29/9/2025
- Thời gian thử nghiệm: 19/9/2025 đến ngày 29/9/2025
- Thời gian lưu mẫu: Không Lưu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Tên khách hàng: Nguyễn Thanh Hoa
- Địa chỉ: ấp 1, xã Bình Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Kết quả thử nghiệm: Xem trang sau.

- Thông tin về mẫu thử được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phiếu kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị trên mẫu thử
- Không được sao chép Phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ.

Đồng Tháp, ngày 29 tháng 9 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Thoại



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn QCDP 01:2023/ĐT	Kết quả	Đơn vị tính
1	Mùi*	DTM.07.217 (2024)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	-
	Vị*	DTM.07.217 (2024)	Không có vị lạ	Không có vị lạ	-
2	pH*	TCVN 6492 : 2011	6,0 – 8,5	7,23	-
3	Màu sắc*	TCVN 6185 : 2015	≤ 15	< 2	TCU
4	Độ đục*	SMEWW 2130B:2023	≤ 2	0,314	NTU
5	Clo dư*	HACH 8021	0,2-1,0	0,22	mg/l
6	Amoni*(NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1 : 1996	≤ 0,3	KPH(LOD=0,02)	mg/l
7	Chỉ số pemanganat*	TCVN 6186 : 1996	≤ 2	KPH (LOD=0,5)	mgO ₂ /l
8	Độ cứng*	TCVN 6224 : 1996	≤ 300	142	mgCaCO ₃ /l
9	Florua (F)*	TCVN 6494-1:2011	≤ 1,5	0,11	mg/l
10	Clorua (Cl)*	TCVN 6494-1: 2011	≤ 250	19,4	mg/l
11	Nitrate*(NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6494-1:2011	≤ 2	0,37	mg/l
12	Nitrite*(NO ₂ ⁻ tính theo N)	TCVN 6494-1:2011	≤ 0,05	KPH(LOD=0,01)	mg/l
13	Sulfate*(SO ₄ ²⁻)	TCVN 6494-1:2011	≤ 250	8,31	mg/l
14	Sắt tổng (Fe _{tổng})*	TCVN 6177 : 1996	≤ 0,3	< 0,15 (LOD=0,15)	mg/l
15	Chất rắn hòa tan (TDS)*	SMEWW 2540C:2017	≤ 1000	121	mg/l
16	Đồng (Cu)*	DTM.ICP/MS.07.50	≤ 1000	KPH(LOD=2,0)	μg/l
17	Bari (Ba)*	DTM.ICP/MS.07.50	≤ 700	32,3	μg/l
18	Bo (B)*	DTM.ICP/MS.07.50	≤ 300	KPH(LOD=15)	μg/l
19	Kẽm (Zn)*	DTM.ICP/MS.07.50	≤ 2000	43,4	μg/l
20	Mangan (Mn)*	DTM.ICP/MS.07.50	≤ 100	91,8	μg/l
21	Natri (Na)*	DTM.ICP/MS.07.202	≤ 200	8,0	mg/l
22	Nhôm (Al)*	DTM.ICP/MS.07.202	≤ 200	140	μg/l
23	Asen (As)*	DTM.ICP/MS.07.50	≤ 10	KPH(LOD=0,3)	μg/l
24	Monochlorobenzene*	DTM.GC/MS/MS.07.214.1	≤ 300	KPH (LOD=0,01)	μg/l



013/2024/BCT/KNTT

385/QĐ-BVTV-KH

019/2023/BYT-KNTT



Số: MM25095347

Trang: 3/3

25	Chlorpyrifos*	DTM.GC/MS/MS.07.204.2	≤ 30	KPH (LOD=0,012)	µg/l
26	Cyanazine*	DTM.LC/MS/MS.07.211 (2024)	≤ 0,6	KPH (LOD=0,05)	µg/l
27	DDT và các dẫn xuất*	DTM.GC/MS/MS.07.204.2	≤ 1	KPH (LOD=0,006)	µg/l
28	Hydroxyatrazine*	DTM.LC/MS/MS.07.211 (2024)	≤ 200	KPH (LOD=10)	µg/l
29	Bromodichloromethane*	DTM.GC/MS/MS.07.214.1	≤ 60	KPH (LOD=0,2)	µg/l
30	Chloroform*	DTM.GC/MS/MS.07.214.1	≤ 300	KPH (LOD=0,0)	µg/l
31	Dibromochloromethane*	DTM.GC/MS/MS.07.214.1	≤ 100	KPH (LOD=0,03)	µg/l
32	Coliform*	ISO 9308-1:2014/Amd 1: 2016	< 3	KPH	CFU/
33	E. coli*	ISO 9308-1:2014/Amd 1: 2016	< 1	KPH	CFU/
34	Pseudomonas aeruginosa*	ISO 16266 : 2006	< 1	KPH	CFU/



Kết luận: Các chỉ tiêu được thử nghiệm trên mẫu thử đạt theo QCDP 01:2023/ĐT.

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện, LOQ: Giới hạn định lượng
- (*): Chỉ tiêu được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 (VILAS 260).

TRƯỞNG PHÒNG

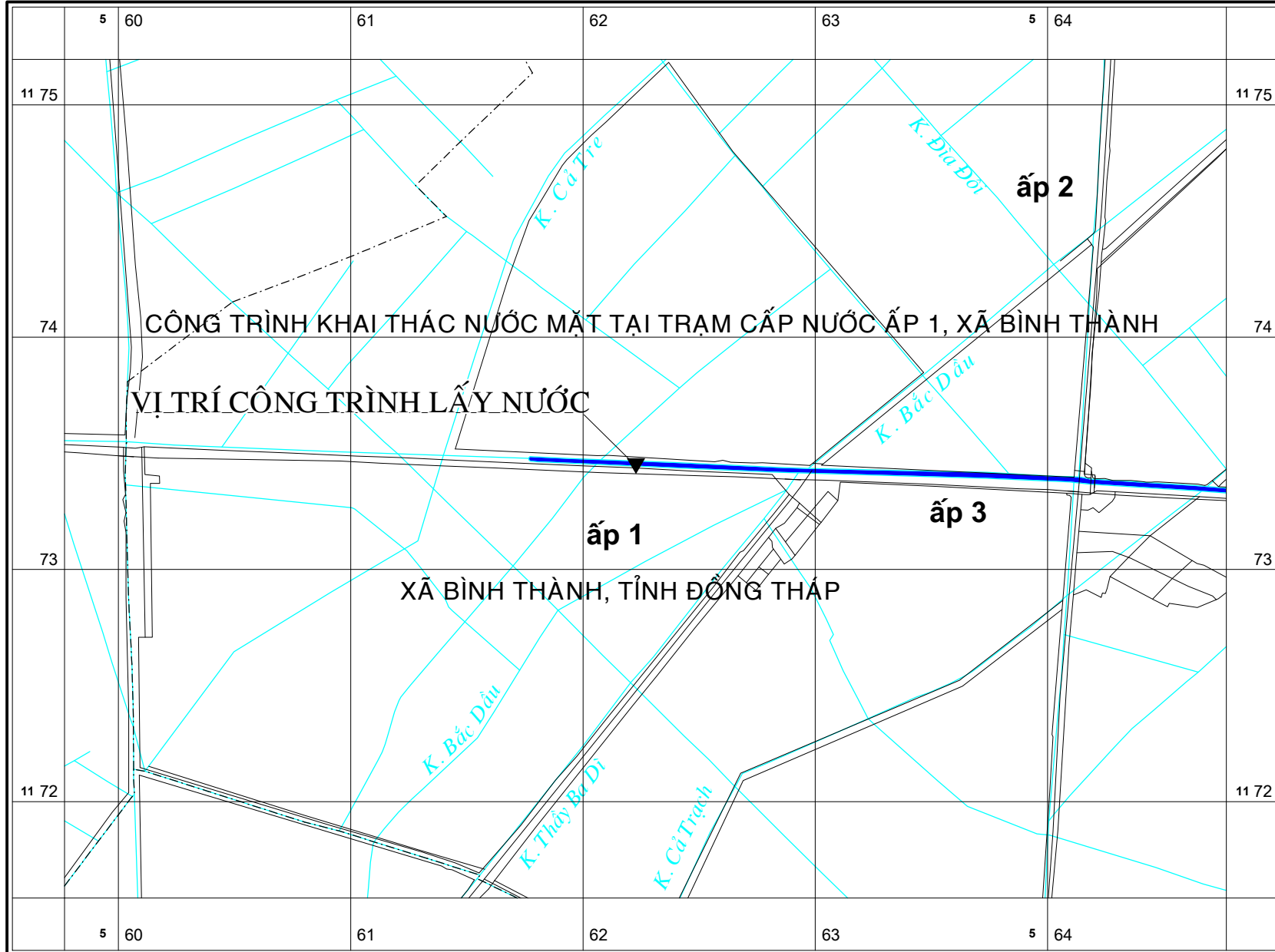
Võ Thị Bích Trân

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ CÔNG TRÌNH



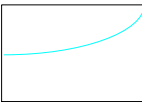

CHỦ CÔNG TRÌNH: HỘ KINH DOANH NGUYỄN THANH HOA

CÔNG TRÌNH: CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC MẶT TẠI TRẠM CẤP NƯỚC ẤP 1, XÃ BÌNH THÀNH

VỊ TRÍ: ẤP 1, XÃ BÌNH THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP



Chỉ Dẫn

-  Ranh giới xã
-  Giao thông
-  Sông, rạch
-  VTTC Vị trí công trình

TỶ LỆ 1:25.000

1cm trên bản đồ bằng 250m ngoài thực tế

